

Bản án số: 303/2025/HS-PT
Ngày 22-7-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2025/TLPT-HS ngày 24 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 145/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Lê Văn Đ, sinh năm 1994 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa); nơi tạm trú: Tổ A, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1966 và bà Dương Thị S, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/10/2023, đến ngày 10/12/2024 bị bắt tạm giam, ngày 17/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang B lĩnh cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Phạm Đình N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Nguyễn Đức thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là Đoàn Luật sư Thành phố H). Có mặt

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người đại diện hợp pháp của bị hại, 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 16/10/2022, Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô biển số 36B2-985.77 chở ông Dương Tấn T1 (ngồi giữa) và ông Dương Đình T2 (ngồi sau) lưu thông từ nhà trọ của T1 tại phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) về hướng khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi đi đến địa phận thành phố D, Đ chuyển hướng rẽ vào đường L theo hướng từ Ngã ba dốc ông T3 về Ngã ba C. Lúc này, Đ phát hiện có lực lượng Công an thành phố D đi tuần tra nên Đ giảm tốc độ cho ông T1 và ông T2 xuống xe rồi Đ tăng tốc bỏ chạy. Khi bỏ chạy, Đ thường xuyên quay mặt ra phía sau xe để nhìn xem lực lượng Công an có truy đuổi mình hay không. Khi lưu thông đến đoạn đường trước nhà số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì xe mô tô do Đ điều khiển va chạm vào phía bên phải xe mô tô biển số 61H3-7072 do ông Lâm Ngọc C điều khiển lưu thông theo hướng ngược lại và đang chuyển hướng qua đường để đi về nhà thì xảy tai nạn giao thông.

Hậu quả vụ tai nạn: Ông C bị thương tích; bị cáo Đ bị thương tích; 02 xe mô tô hư hỏng.

** Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 16/10/2022 xác định:*

- Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đường thẳng được trải nhựa bằng phẳng. Thời tiết trời nắng, mặt đường khô ráo. Đường không có dải phân cách mà chỉ có vạch sơn đứt quãng ở giữa để chia ra làm 2 phần đường. Chiều đường hướng từ ngã tư C về Ngã ba Cây Diệp có 2 làn đường: Làn đường sát mép lề rộng là 2m50, được phân với làn đường phía ngoài bằng vạch sơn đứt quãng. Làn đường thứ hai rộng là 3m50. Chiều đường ngược lại cũng có 2 làn đường: Làn đường sát mép lề rộng là 2m50, được phân với làn đường phía ngoài bằng vạch sơn đứt quãng. Làn đường thứ hai rộng là 3m50. Đoạn đường không có biển chỉ dẫn cho các xe phải đi trên làn đường nào.

- Lấy mép lề hướng từ ngã tư C về Ngã ba C làm mép lề chuẩn. Lấy mép tiệm T4 làm điểm mốc.

- Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết: (1) Xe mô tô biển số 36B2-985.77; (2) Xe mô tô biển số 61H3-7072; (3): Vết cày xe 2; (4) Nhót; (5) Vết cày xe 1; (6) Dè chắn bùn trước xe 2; (7) máu nạn nhân; (8) Máu nạn nhân; (9) Gương chiếu hậu; (10) Chiếc giày; (11) Mảnh vỡ lốp máy xe 2; (12) Chuối, hoa chuối; (13) Thảm mỹ viện T4; (14) Nhà số B; (15, 16) Biển báo nguy hiểm.

- Vị trí phương tiện, tang vật, dấu vết:

+ (1) Xe mô tô biển số 36B2-985.77, sau tai nạn xe ngã đổ nghiêng về bên trái, phần đầu xe quay ra hướng giữa đường và dè lên xe mô tô (2). Trục bánh

trước cách mép lề chuẩn là 3m80. Trục bánh sau cách mép lề chuẩn là 2m90 và cách góc tường nhà B khu phố Đ là 8m10.

+ (2) Xe mô tô biển số 61H3-70.72 sau tai nạn xe ngã nghiêng về bên trái nằm trên đường, đầu xe quay vào hướng trong lề bị phần đầu xe (1) đè lên. Trục bánh trước cách mép lề chuẩn là 3m30 và cách trục bánh trước xe (1) là 0m60. Trục bánh sau cách mép lề chuẩn là 4m40.

+ (3) Xe mô tô biển số 61H3-70.72 sau tai nạn có để lại vết cày đứt quãng của gác chân sau bên trái trên đường. Vết cày dài đến gác chân sau là 3m30, đầu vết cày cách mép lề chuẩn là 4m20 và cách góc mép thâm mỹ viện T4 (điểm mốc) là 15m60.

+ (4) Xe mô tô biển số 61H3-70.72 sau tai nạn có để lại vết nhót phun loang trên đường cách mép lề chuẩn là 4m10, kích thước vết nhót (2,20 x 0,80)m sát với động cơ.

+ (5) Xe mô tô biển số 36B2-985.77 sau tai nạn có để lại vết cày đứt quãng của gác chân sau bên trái trên đường. Vết cày dài đến gác chân sau là 1m10, đầu vết cày cách mép lề chuẩn là 3m80 và cách đầu vết cày xe (2) là 1m40.

+ (6) Xe mô tô biển số 61H3-70.72 sau tai nạn có để lại dè chắn bùn rơi trên đường cách mép lề chuẩn là 2m80 và cách vết máu (7) là 0m70.

+ (7); (8) Hiện trường có để lại 2 vết máu loang trên đường: Vết máu kí hiệu (7) có kích thước (0,50 x 0,25)m, tâm vết máu cách mép lề chuẩn là 2m90 và cách trục bánh trước xe (2) là 0m70. Vết máu kí hiệu (8) có kích thước (1,10 x 0,5)m, tâm vết máu cách mép lề chuẩn là 3m90 và cách vết máu kí hiệu (7) là 2m70.

+ (9) Xe mô tô biển số 61H3-70.72 sau tai nạn có để lại gương chiếu hậu gãy rơi trên đường cách mép lề chuẩn là 4m10, cách vết máu kí hiệu (8) là 1m50 và cách trục bánh sau xe mô tô (1) là 2m60.

+ (10) Hiện trường có để lại chiếc giày của nạn nhân điều khiển xe mô tô biển số 61H3-70.72 trên đường nằm cạnh xe mô tô biển số 61H3-7072 cách mép lề chuẩn là 3m90, cách trục bánh sau xe mô tô 2 là 0m60.

+ (11) Hiện trường để lại các mảnh vỡ kim loại của lồng máy xe mô tô (2) trên mặt đường cách mép lề chuẩn là 4m20 và cách trục bánh sau xe mô tô (2) là 0m50.

+ (3) Hiện trường có để lại các bắp chuối và trái chuối xanh rơi vãi trên mặt đường quanh khu vực xe (1) và xe (2), KT: 0m40 x 0m60.

** Kết luận giám định số 1310 ngày 29/11/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đ đối với ông Lâm Ngọc C, như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo mổ dẫn lưu vùng đỉnh; sẹo vùng trán; sẹo cung mày- trán; sẹo mổ bán cầu phải; vết loét vùng chẩm phải. Mỡ nội khí quản; tổn thương khuyết sọ đáy

cứng vùng đỉnh phải; tổn thương xuất huyết liềm não và lều tiểu não (tụ máu dưới màng cứng) đã điều trị khỏi không còn hình ảnh máu tụ; tổn thương tụ máu ngoài màng cứng không còn hình ảnh máu tụ; tổn thương gãy xương sườn số 5 bên trái; tổn thương gãy xương đòn trái; tổn thương gãy xương chính mũi; tổn thương gãy thành xoang hàm phải; dập não trán 2 bên; nứt sọ trán 2 bên; nứt trần hốc mắt hai bên; gãy thành xoang sang hai bên.

2. Kết luận:

- Sẹo mổ dẫn lưu vùng đỉnh kích thước (01 x 0,4)cm. Tỷ lệ: 01%
- Sẹo vùng trán kích thước (07 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 06%
- Sẹo cung mày- trán kích thước (18 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 06%
- Sẹo mổ bán cầu phải kích thước (28 x 0,5)cm. Tỷ lệ: 02%
- Vết loét vùng chẩm phải kích thước (05 x 0,3)cm. Tỷ lệ: 02%
- Mở nội khí quản. Tỷ lệ: 05%
- Tổn thương khuyết sọ đáy cứng vùng đỉnh phải kích thước (8,5 x 09)cm. Tỷ lệ: 26%
- Tổn thương xuất huyết liềm não và lều tiểu não (tụ máu dưới màng cứng) đã điều trị khỏi không còn hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 08%
- Tổn thương tụ máu ngoài màng cứng đã điều trị không còn hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 05%
- Tổn thương gãy xương sườn số 5 bên trái. Tỷ lệ: 02%
- Tổn thương gãy xương đòn trái. Tỷ lệ: 10%
- Tổn thương gãy xương chính mũi. Tỷ lệ: 08%
- Tổn thương gãy thành xoang hàm phải. Tỷ lệ: 09%

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lâm Ngọc C áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư là: 62% (sáu mươi hai phần trăm).

3. Kết luận khác: Không.

- Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra trung cầu giám định bổ sung sau khi bệnh nhân điều trị ổn định và xuất viện để xác định đầy đủ các tổn thương và di chứng kèm theo của tổn thương nếu có.

** Kết luận giám định bổ sung số 0824 ngày 16/8/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ đối với ông Lâm Ngọc C, như sau:*

1. Các kết quả chính: (Khám giám định, khám chuyên khoa, khám cận lâm sàng)

- Đã được Trung tâm P giám định kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể là 62% tại bản Kết luận giám định số 1310 ngày 29/11/2022

** Phân giám định bổ sung:*

- Nứt sọ trán đỉnh phải dài 14cm, điện não đồ không có ổ tổn thương tương ứng. Tỷ lệ: 16%

- Nứt sọ trán hai bên dài 13,3cm, điện não đồ không có ổ tổn thương tương ứng. Tỷ lệ: 16%

- Tổn thương não trán phải kích thước (2,9 x 3,2)cm; trán trái kích thước (2,6 x 03)cm; chẩm phải kích thước (3,4 x 4,5)cm. Tỷ lệ: 31%

- Gãy xương ổ mắt phải. Tỷ lệ: 05%

- Gãy xương ổ mắt trái. Tỷ lệ: 05%

- Gãy thành xoang sàn bên phải. Tỷ lệ: 01%

- Gãy xương hàm dưới vùng cằm hiện hạn chế vận động hàm sang phải, sang trái, sai khớp cắn. Tỷ lệ: 21%

- Tổn thương xuất huyết liềm não và lều tiểu não (tụ máu dưới màng cứng) đã điều trị khỏi không còn hình ảnh máu tụ. Tỷ lệ: 08%

**Phân giám định không xác định được thời gian tổn thương:*

- Gãy xương sườn số 3 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%

- Gãy xương sườn số 4 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%

- Gãy xương sườn số 6 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%

- Gãy xương sườn số 9 bên trái can tốt. Tỷ lệ: 02%

- Gãy xương gò má phải. Tỷ lệ 08%

2. Kết luận

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lâm Ngọc C tại thời điểm giám định bổ sung là: 89% (tám mươi chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

** Kết luận giám định số 40/2003/TgT ngày 31/01/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh T đối với Lê Văn Đ, như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương, vết thương vùng trán phải gây tổn thương:

+ Rạn, vỡ xương trán phải, kích thước khoảng 2cm; điện não không có ổ tổn thương tương ứng: 08% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 1; mục I; 2.1).

+ Vỡ thành trước xoang trán phải gây tụ dịch trong xoang: 07% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 12; mục II; 4.1).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt vát ngang trán phải; kích thước sẹo lớn: 09% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; Nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; mục I; 3).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng mặt trước 1/3 trên cằm chân phải; kích thước sẹo trung bình: 02% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; Nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; mục I; 2).

- Sẹo vết thương phần mềm vùng niêm mạc môi trên; kích thước sẹo nhỏ: 01% (Thông tư 22/2019/TT-BYT; Bảng 1; chương 8; Nguyên tắc tính tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tổn thương phần mềm; mục I; 1).

- Các chấn thương, vết thương và tổn thương khác do chấn thương đã được điều trị; hiện tại không còn sẹo vết thương phần mềm, không để lại vết biến đổi rối loạn sắc tố da, không có di chứng tổn thương cơ quan chức năng do chấn thương: 0% (Không phần trăm).

2. Kết luận.

Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích: tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Văn Đ được tính theo phương pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể (Cộng theo phương pháp xác định tỷ lệ % TTCT quy định tại Điều 4 của Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y) là 24% (hai mươi bốn phần trăm).

** Kết luận giám định số 104/KL-KTHS(CH) ngày 09/3/2023 của Phòng K Công an tỉnh B giám định dấu vết phương tiện, kết luận:*

1. Dấu vết va chạm giữa hai phương tiện là:

- Dấu vết trượt xước cao su, bám dính chất màu vàng (dạng gỉ sét) ở mặt lặn lốp trước, gãy vành đúc bánh trước, có chiều hướng từ mặt lặn vào trục, cong ép hai phuộc bánh trước xe mô tô biển số 36B2-985.77, có chiều từ trước ra sau, từ trái qua phải (ảnh 3, 5) phù hợp với dấu vết trượt xước kim loại, mất chất gỉ sét, bám dính chất màu đen (dạng cao su), vỡ bung cổ ống xả, vỡ khuyết nắp máy bên phải, cong ép gác chân trước bên phải, vỡ ốp thân xe bên phải xe mô tô biển số 61H3-7072, có chiều hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái (ảnh 4, 6).

- Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu đen (dạng sơn), gãy vỡ bửng chắn gió bên phải xe mô tô biển số 36B2-985.77, có chiều hướng từ trước ra sau (ảnh 7) phù hợp với dấu vết trượt xước màu sơn đen, cong ép biến dạng bên phải giỏ xe mô tô biển số 61H3-7072, có chiều hướng từ trước ra sau, từ phải qua trái (ảnh 8).

2. Cơ chế hình thành dấu vết giữa hai phương tiện: Phần bên phải xe mô tô biển số 36B2-985.77 va chạm vào phần bên phải xe mô tô biển số 61H3-7072

theo hướng ngược chiều (như mục 1) làm hai xe mô tô đổ ngã, va chạm với mặt đường tạo nên dấu vết trên hai phương tiện.

3. Vị trí va chạm giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường là khu vực phía trước đầu vết cày số (3) trên sơ đồ hiện trường.

** Kết luận giám định số 1852 ngày 15/6/2023 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ C1 tại Thành phố Hồ Chí Minh, về Quyết định trưng cầu giám định tốc độ của xe mô tô biển số 36B2-985.77 qua hình ảnh Camera như sau:*

Qua nội dung 04 tập tin video gửi giám định (ký hiệu từ A1 đến A4) và tài liệu gửi kèm, không đủ cơ sở để kết luận giám định nội dung yêu cầu giám định của kết luận này.

** Kết luận giám định số 8378 ngày 29/10/2024 của Trung tâm P tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Lâm Ngọc C như sau:*

1. Kết luận

1.1. Về y học:

Trước và trong khi xảy ra tai nạn ngày 16/10/2022, đối tượng Lâm Ngọc C tâm thần bình thường.

Sau khi xảy ra tai nạn ngày 16/10/2022 cho đến hiện tại, đối tượng Lâm Ngọc C bị sa sút tâm thần sau chấn thương sọ não (F02.8-ICD10).

1.2. Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

Trước và trong khi xảy ra tai nạn ngày 16/10/2022, đối tượng Lâm Ngọc C đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi

Sau khi xảy ra tai nạn ngày 16/10/2022 cho đến hiện tại, đối tượng Lâm Ngọc C mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

2. Ý kiến khác:

Việc đánh giá năng lực chịu trách nhiệm hình sự không thuộc thẩm quyền của giám định viên.

** Kết quả điều tra Giấy phép lái xe:*

- Ông Lâm Ngọc C có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số: 740062001734 do Sở Giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 24/6/2023, có giá trị: Không thời hạn.

- Lê Văn Đ: Không có giấy phép lái xe mô tô.

** Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn của bị cáo Lê Văn Đ: Âm tính*

Tại Cáo trạng số 110/CT-VKS-DA ngày 26 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo Lê Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) đã quyết định:

“1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến ngày 17/01/2025”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, bị cáo Lê Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh: Bị cáo Lê Văn Đ điều khiển xe mô tô chở 02 người khi gặp lực lượng chức năng bị cáo giảm tốc độ cho 02 người ngồi sau xuống xe và tăng tốc bỏ chạy. Bị cáo vừa chạy vừa quay đầu nhìn phía sau thì va chạm với bị hại gây tai nạn, hậu quả bị hại bị thương tật 89%. Hành vi của bị cáo điều khiển xe mô tô không có giấy phép lái xe gây tai nạn gây thương tích cho bị hại nên bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” là phù hợp, mức hình phạt không nặng. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Phạm Đình N trình bày: quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Đ luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; gia đình bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng; bị cáo có cha mẹ bị cáo cũng đã lớn tuổi; hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng rất khó khăn; bị cáo là người lo lắng kinh tế chủ yếu cho gia đình, cho cha mẹ bị cáo. Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Lê Văn Đ 03 năm tù giam là quá nặng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, quyết định

cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất có thể để bị cáo Lê Văn Đ sớm chuộc lại lỗi lầm của mình, có cơ hội để chăm lo cho cha mẹ đã lớn tuổi.

Bị cáo không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Người bào chữa có trình bày về tình tiết gia đình có công với cách mạng nhưng trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện tình tiết này. Đồng thời, trường hợp gia đình bị cáo có người có công với cách mạng thì sẽ áp dụng tình tiết tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết này cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm đối với kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình để làm việc, trả nợ thay cho cha mẹ vì cha mẹ bị cáo phải vay mượn tiền để bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Văn Đ chưa được cấp giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 16/10/2022, bị cáo Đ điều khiển xe mô tô biển số 36B2-985.77 lưu thông đến đoạn đường trước nhà số B, khu phố Đ, phường T, thành phố D (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhưng thiếu quan sát, thường xuyên quay đầu về phía sau và không đi về bên phải theo chiều đi của mình nên đã va chạm vào phía bên phải xe mô tô biển số 61H3-7072 do ông Lâm Ngọc C đang điều khiển lưu thông trên chiều đường ngược lại và đang chuyển hướng qua đường từ lề bên trái sang lề bên phải (theo chiều lưu thông của bị cáo). Hậu quả ông C bị thương tích 89%, bị cáo Đ thương tích 24%, hai xe hư hỏng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8 và Điều 9 Luật Giao thông đường bộ 2008 (sửa đổi, bổ sung 2018, 2019). Do đó, hành vi của bị cáo Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Văn Đ về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho gia đình bị hại; đại diện bị hại xin

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị hại cũng có một phần lỗi do chuyển hướng không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ 2008 (sửa đổi, bổ sung 2018, 2019), bị hại điều khiển xe khi có nồng độ Ethanol là 24,4ml/dL là hành vi bị cấm theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ 2008 (sửa đổi, bổ sung 2018, 2019). Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Sửa Bản án sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 145/2025/HS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh).

1.1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1.2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/12/2024 đến ngày 17/01/2025.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn Đ không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - TP.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - TP.HCM);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 16);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức